

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Bộ Công thương

DỰ ÁN HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG
cho
CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM
(VEEIEs)
Khung Chính sách Dân tộc thiểu số

Hà Nội, tháng –12/2015

MỤC LỤC

TÊN VÀ TỪ VIẾT TẮT	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
MỤC 1. GIỚI THIỆU	3
1.1. MÔ TẢ DỰ ÁN	3
1.2. KHUNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMPF)	5
1.3. CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM	6
MỤC 2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG CỦA DỰ ÁN	8
2.1. LỢI ÍCH TIỀM NĂNG ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG. ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.	
2.2. TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
MỤC 3. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC THIỂU SỐ. ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.	
3.1. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÁC NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
3.2. CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC THIỂU SỐ	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
3.3. CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI ĐỐI VỚI DÂN TỘC THIỂU SỐ	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
MỤC 4. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
MỤC 5. PHẢN NÀN VÀ KHIẾU NẠI.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
MỤC 6. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	19
MỤC 7. HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
7.1. NHỮNG NGUYÊN TẮC DỰ ÁN ĐỐI VỚI EMDP.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
7.2. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ VIỆC THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
7.3. CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ .	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

Chữ viết tắt

AP	Người bị ảnh hưởng
AU	Các đơn vị hành chính
CEMA	Ủy ban Dân tộc
CPEE	Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn
DP	Người phải di dời
DPC	Ủy ban Nhân dân huyện
EE	Tiết kiệm/ Hiệu quả năng lượng
EMDP	Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số
EMPF	Khung Chính sách Dân tộc thiểu số
EMs	Dân tộc thiểu số
ESCOs	Các công ty dịch vụ năng lượng
GFU	Đơn vị giải quyết khiếu nại
IA	Cơ quan thực hiện/ thực thi
IBRD	Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
IEs	Các doanh nghiệp công nghiệp
MOIT	Bộ Công thương
MONRE	Bộ Tài nguyên & Môi trường
NOL	Thư không phản đối của WB
OP	Chính sách hoạt động
PB	Ngân hàng tham gia
PC	Ủy ban Nhân dân
PCR	nguồn tài nguyên văn hóa vật thể
PFI	Các tổ chức tài chính tham gia
PMB	Ban Quản lý Dự án VEEIEs
PMU	Đơn vị Quản lý Dự án, đại diện cho Chủ Dự án
PO	Chủ Dự án
PPC	Ủy ban Nhân dân tỉnh
RPF	Khung Chính sách Tái định cư
SA	Đánh giá xã hội
TA	Hỗ trợ kỹ thuật
VEEIEs	Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp ở Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Mô tả Dự án

Việt Nam là một trong những nước có cường độ năng lượng lớn nhất Đông Nam Á trong đó tăng trưởng công nghiệp là một trong những động lực chính của việc tăng cường độ năng lượng ở Việt Nam với tỷ lệ sử dụng năng lượng cuối chiếm tới 48% hoặc một nửa. Do đó, Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong việc tăng cường sử dụng năng lượng tiết kiệm/hiệu quả (EE) bằng việc thông qua Luật Tiết kiệm Năng lượng và Hiệu quả, một loạt các nghị định của Thủ tướng về tăng cường EE và đặt ra mục tiêu tiết kiệm 5-8% từ năm 2012 đến 2015 so với nhu cầu năng lượng theo dự báo.

Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp (dự án VEEIEs) là một trong các nỗ lực của Chính phủ và được xem là một chương trình mục tiêu quốc gia. Mục tiêu tổng thể của dự án là cải thiện hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và góp phần vào việc đạt được các mục tiêu về giảm thiểu KNK và hiệu quả năng lượng của Chính phủ. Thiết kế hiện nay không dự tính bất kỳ hạn chế nào về loại hình và quy mô của các doanh nghiệp công nghiệp tham gia vào dự án VEEIEs. Việc hội đủ điều kiện có thể được quyết định bằng việc thiết lập các yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu và chứng minh hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Đây là dự án do IBRD/IDA tài trợ nhằm loại bỏ các rào cản chính đến việc đầu tư vào các dự án EE và dự án gồm hai hợp phần như sau:

Hợp phần 1 – Cho vay Đầu tư Hiệu quả Năng lượng (US\$312 triệu, trong đó US\$200 triệu từ IBRD, US\$50 triệu từ PFIs, và US\$62 triệu từ IEs)

- Hợp phần này bao gồm một chương trình cho vay hiệu quả năng lượng với số tiền là 312 triệu đô la Mỹ trong vòng năm năm: (a) 200 triệu đô la Mỹ từ khoản vay của IBRD; (b) PFIs sẽ đồng tài trợ các hoạt động dự án, tài trợ 20% khoản vay cho IEs; và (c) những người vay lại (như IEs) sẽ đóng góp 20% khoản đầu tư như vốn chủ sở hữu, đây được coi là thực tế phổ biến đối với việc áp dụng cho vay tại Việt Nam.
- Một khoản vay IBRD với số tiền 200 triệu đô la Mỹ sẽ được cho vay lại bởi MOF cho các PFIs được chọn. Các PFIs sẽ lần lượt cho các IEs và/hoặc các công ty dịch vụ năng lượng vay các khoản tiền cho các tiểu dự án đầu tư EE. Lãi suất cho vay sẽ được quyết định dựa trên các điều kiện thị trường và sẽ bao gồm đầy đủ các chi phí tài chính, vận hành và biên lợi nhuận hợp lý cho PFIs.
- PFIs sẽ được lựa chọn theo các tiêu chí tài chính và phi tài chính. Tiêu chí phi tài chính bao gồm chiến lược/cam kết cho vay EE đã được đưa ra, cùng với kinh nghiệm và khả năng xây dựng các dự án EE phù hợp. PFIs được lựa chọn trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định trong OP10.0 của ngân hàng. Các nguồn vốn từ IBRD sẽ được phân bổ giữa các PFIs đã được lựa chọn trên cơ sở kế hoạch đưa ra và số quỹ còn lại sẽ được phân bổ theo nguyên tắc đến trước thì được giải quyết trước, đến trước thì được phục vụ trước.
- Xây dựng Sổ tay Hoạt động (OM) trong đó đưa ra các tiêu chí lựa chọn những người vay lại và các tiểu dự án, các thủ tục thẩm định và hướng dẫn, vai trò, trách nhiệm PFIs và chính phủ, tổ chức thực hiện nội bộ của PFIs để thực hiện dự án, đánh giá kỹ thuật, các khung quản lý môi trường và xã hội, đấu thầu và tài chính phù hợp với các nguyên tắc và thủ tục của Ngân hàng và Chính phủ

Việt Nam. Trong suốt quá trình thực hiện dự án, PFIs sẽ chịu trách nhiệm xác định, thẩm định và đầu tư các tiêu dự án đáp ứng các tiêu chí trong OM, và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các rủi ro liên quan.

Hợp phần 2 – Hỗ trợ Kỹ thuật và Tăng cường Năng lực cho việc cải thiện Hiệu quả Năng lượng (US\$3 triệu do IDA tài trợ)

- Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực này sẽ hỗ trợ: (a) Bộ Công thương (MOIT) và các cơ quan chính phủ có liên quan, những đơn vị chịu trách nhiệm về các chính sách và mục tiêu EE, nhằm thực thi các thỏa thuận tự nguyện với các ngành có liên quan, nâng cao các ưu đãi cho ngành công nghiệp để thực hiện các khoản đầu tư EE và phát triển các tiêu chuẩn EE bắt buộc cùng với những tiêu chuẩn trong các ngành tiêu tốn nhiều năng lượng; (b) PFIs nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn của họ trong việc xác định, thẩm định và thực hiện các dự án cho vay EE trong ngành công nghiệp và phát triển kinh doanh để tạo ra các dòng giao dịch; và (c) IEs và những nhà cung cấp dịch vụ EE (ví dụ như ESCOs) để triển khai các dự án xin tài trợ. Hợp phần này sẽ được gắn kết chặt chẽ với CPEE đang triển khai nhằm xây dựng các chính sách EE và các thỏa thuận công nghiệp tự nguyện.
- IFC đang cung cấp các dịch vụ tư vấn cho Vietinbank và làm việc với Ngân hàng để xác định một cơ chế năng lực phù hợp ngay khi xác định được PFIs. Theo dự án CPEE hiện tại, Ngân hàng đang cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật đối với các IEs tiêu thụ năng lượng then chốt nhằm triển khai các thỏa thuận tự nguyện có thể xây dựng nên một phần quan trọng của kế hoạch. Việc hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho PFIs sẽ bao gồm việc hỗ trợ cho: (a) xây dựng năng lực và đào tạo, cụ thể là các nhân viên ở các trụ sở chính và các chi nhánh cũng như các nhân viên đánh giá rủi ro, bao gồm việc hỗ trợ phát triển các thủ tục cần thiết, và việc tạo ra một nền tảng kiến thức phù hợp nhằm đánh giá và mở rộng các khoản vay EE; (b) tiếp thị và phát triển thị trường nhằm tạo ra một kênh liên lạc cho vay EE mạnh mẽ; (c) hỗ trợ khảo sát tính khả thi của các khoản cho vay lại EE đủ điều kiện, bao gồm đánh giá tài chính, kỹ thuật, xã hội và môi trường; và (d) phát triển các công cụ tài chính có liên quan đến bảo tồn năng lượng và các công cụ quản lý rủi ro.
- Việc hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho MOIT sẽ hỗ trợ: a) việc đánh giá chương trình mục tiêu EE quốc gia giai đoạn 2010-2015 và chuẩn bị thực hiện chương trình mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo 2016-2020; (b) tăng cường chính sách và khuôn khổ pháp lý, thể chế cho EE trong IEs; (c) phát triển các tiêu chuẩn sử dụng năng lượng có liên quan và thiết lập các tiêu chuẩn công nghiệp EE; và (d) phát triển ESCOs, mở rộng quy mô và khuyến khích thỏa thuận tự nguyện EE, và thực hiện một chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao ý thức EE đối với IEs.
- Việc hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực đối với PFIs bao gồm: (i) thành lập doanh nghiệp, bao gồm cả việc thành lập, tổ chức, biên chế và kế hoạch kinh doanh ban đầu của các đơn vị (hoặc đội) kinh doanh cho vay EE; (ii) xây dựng năng lực và đào tạo, bao gồm hỗ trợ nhằm phát triển các công cụ tài chính cần thiết, các thủ tục, và tạo ra một nền tảng kiến thức phù hợp để đánh giá và mở rộng các khoản vay hiệu quả năng lượng; (iii) tiếp thị và phát triển thị trường nhằm tạo ra một kênh liên lạc cho vay EE mạnh mẽ; (iv) hỗ trợ khảo sát tính khả thi của các khoản cho vay lại EE đủ điều kiện, bao gồm đánh giá tài chính, kỹ thuật, xã hội và môi trường; và (v) phát triển các công cụ tài chính có liên quan đến bảo tồn năng lượng và các công cụ quản lý rủi ro.

- Việc hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho IEs sẽ bao gồm việc hỗ trợ để: (a) xác định các dự án EE và chuẩn bị kiểm toán năng lượng có liên quan, thiết kế kỹ thuật và chuẩn bị dự án EE; và (b) nâng cao nhận thức thông qua một chiến dịch truyền thông được tổ chức cùng với các hiệp hội công nghiệp có liên quan. Việc xây dựng năng lực về phòng vệ cho PFIs, ESCOs, và IEs cũng như đào tạo tại chỗ sẽ được cung cấp. Hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo năng lực phù hợp để xem xét và triển khai các vấn đề bảo vệ cũng sẽ được cân nhắc.

1.2. Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

EMPF đưa ra các chính sách, nguyên tắc và quy trình áp dụng cho các tiêu dự án hiệu quả năng lượng tiềm năng, và đưa ra khung phổ biến thông tin yêu cầu và quy trình tham vấn, xây dựng Kế hoạch Dân tộc Thiểu số (EMDPs) cho các tiêu dự án nhằm đảm bảo các lợi ích về văn hóa, kinh tế, xã hội cho người bị ảnh hưởng. EMPF này áp dụng cho tất cả các hoạt động của EEP (Dự án Hiệu quả Năng lượng) và các hoạt động khi các bước tiếp theo thiết kế hoặc triển khai dự án có sự xuất hiện của các dân tộc thiểu số hoặc có liên quan đến các nguồn tài nguyên đất/tự nhiên của họ trong khu vực dự án.

Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF) được xây dựng trên cơ sở OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới - Dân tộc bản địa (tháng 07/2005 sửa đổi tháng 4/2013), các luật và quy định liên quan của Việt Nam.

EMPF đưa ra khuôn khổ thực hiện cho các tiêu dự án, điều tra thực địa, và các tài liệu cần được chuẩn bị trên cơ sở các loại hình, quy mô tác động và khả năng áp dụng của EMPF. Chương trình đào tạo và xây dựng năng lực, nhằm đảm bảo việc tuân thủ EMPF, sẽ được thực hiện như một phần của việc huy động và tăng cường thể chế dự án cho tất cả những ai liên quan, cụ thể gồm các cơ quan quản lý cấp quyền tỉnh, ngân hàng tham gia, chủ đầu tư tiêu dự án, và các đơn vị hành chính, chịu trách nhiệm xem xét các đề xuất tiêu dự án so với các tiêu chuẩn.

Mục tiêu của EMPF

Ở Việt Nam, các nhóm dân tộc thiểu số thường có các đặc điểm sau đây:

- Sống gần gũi, thân thiết và gắn bó lâu dài trong khu vực lãnh thổ, đất hoặc diện tích của tổ tiên gắn liền với các tài nguyên thiên nhiên;
- Tự xác định và công nhận các thành viên láng giềng bởi nền văn hóa riêng biệt của họ;
- Có ngôn ngữ khác với ngôn ngữ quốc gia;
- Có hệ thống xã hội truyền thống và thể chế riêng;
- Sản xuất theo hướng tự cung tự cấp.

Từ quan điểm của Ngân hàng, OP 4.10 – Dân tộc bản địa như là “ một nhóm riêng biệt, dễ bị tổn thương, xã hội và văn hóa có những đặc điểm sau đây với các mức độ khác nhau:

- Tự nhận là những thành viên của một nhóm văn hóa riêng biệt bản địa và được những người khác công nhận đặc điểm riêng biệt của mình;
- Gắn bó với môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và với các tài nguyên thiên nhiên trong môi trường sống và khu vực lãnh thổ của họ;
- Các thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị mang tính phong tục được tách biệt so với xã hội và văn hóa của dân tộc chính; và
- Có ngôn ngữ bản địa, khác biệt so với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hoặc khu vực” (OP 4.10, đoạn 4).

OP 4.10 – Người bản địa của Ngân hàng chỉ ra rằng chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến người dân bản địa phải được căn cứ vào việc Tham vấn Tự do, Trước và Được thông báo của bản thân những người bản địa. Do đó, việc xác định những ưu đãi địa phương thông qua trao đổi trực tiếp, kết hợp các kiến thức bản địa với tiếp cận dự án, và sử dụng sớm một cách thích hợp các chuyên gia có kinh nghiệm là những hoạt động cốt lõi cho bất kỳ dự án nào mà ảnh hưởng đến người dân bản địa và quyền lợi của họ đối với nguồn lực thiên nhiên và kinh tế.

Mục tiêu chính của khung chính sách dân tộc thiểu số là đảm bảo rằng quá trình phát triển khuyến khích việc tôn trọng đầy đủ phẩm giá, nhân quyền, tính độc đáo về văn hóa của họ và rằng các dân tộc thiểu số không phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực trong suốt quá trình phát triển và họ sẽ nhận được những lợi ích kinh tế và xã hội tương thích với văn hóa. EMPF cung cấp một khuôn khổ để không chỉ giảm nhẹ mà còn đảm bảo những lợi ích giữa các dân tộc thiểu số của những tác động đó và căn cứ trên việc khảo sát tự do, trước và có thông báo với những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. EMPF đảm bảo: (a) làm thế nào để tránh các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với cộng đồng dân tộc thiểu số; hoặc (b) khi nào thì các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với dân tộc thiểu số là không thể tránh khỏi, được giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc bồi thường; và (c) đảm bảo rằng EMs nhận được những lợi ích xã hội và kinh tế một cách phù hợp với văn hóa và toàn diện ở cả hai giới và giữa các thế hệ, và nhận được sự hỗ trợ cộng đồng đối với các tiêu dự án được đề xuất.

1.3 Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với hơn 50 nhóm dân tộc riêng biệt (54 dân tộc được chính phủ Việt Nam công nhận), mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ, lối sống và di sản văn hóa riêng. Các nhóm dân tộc lớn nhất là: Kinh (người Việt) 86,2%, Tày 1,9%, Thái, 7%, Mường 1,5%, Khmer Krom (Khor Me Krom) 1,4%, Hoa 1,1%, Nùng 1,1%, H'mông 1%, và các dân tộc còn lại chiếm 4,1% (theo số liệu điều tra dân số năm 1999). Người Việt (Kinh) sống chủ yếu ở khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng ven biển miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long và các thành phố lớn. 53 nhóm dân tộc thiểu số khác, tổng số hơn 8 triệu người, được phân bố rải rác trên các khu vực miền núi (bao gồm 2/3 lãnh thổ đất nước) trải dài từ Bắc vào Nam. Trong số các dân tộc thiểu số, đông dân nhất là Tày, Thái, Mường, Hoa, Khmer, Nùng... với dân số khoảng 1 triệu người mỗi dân tộc, trong khi đó ít dân nhất là Brau, Roman, Odu với vài trăm người mỗi dân tộc. Người Việt đã thành công trong việc thiết lập một chế độ quân chủ tập trung vào thế kỷ 10. Người Chăm từng lấy làm kiêu hãnh về một nền văn hóa phồn thịnh sớm trong lịch sử. Người Tày, Nùng và Khmer đã đạt đến mức phát triển cao nhất với sự hiện diện của các tầng lớp xã hội khác nhau. Người Mường, H'mông, Dao, Thái ... tập hợp dưới sự cai trị của những người đứng đầu bộ tộc địa phương. Nhiều nhóm dân tộc chia dân số của họ thành các cấp bậc xã hội, đặc biệt là những dân tộc sống ở khu vực miền núi.

Một số dân tộc thiểu số đã nắm vững một số kỹ thuật canh tác. Họ trồng lúa ở các cánh đồng lúa ngập nước và thực hiện việc tưới tiêu. Những dân tộc khác thì săn bắn, đánh bắt cá, hái lượm và sống một cuộc sống bán du mục. Tuy nhiên, một sự đoàn kết cơ bản giữa các dân tộc đã được thiết lập ngay trên sự khác biệt này như là kết quả của sự hợp tác gần bó lâu dài hàng thế kỷ trên mảnh đất Việt Nam. Ngay trong thế kỷ đầu tiên của lịch sử, một sự bổ sung lẫn nhau trong mối quan hệ kinh tế giữa những người dân vùng đồng bằng và vùng núi đã được hình thành. Sự đoàn kết này ngày càng được tăng cường trong suốt các cuộc đấu tranh kháng chiến bảo vệ đất nước. Thông qua các cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và xây dựng đất nước và hỗ trợ lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển, một cộng đồng chung giữa những người Việt và người dân tộc thiểu số khác đã được thiết lập, không ngừng củng cố và phát triển.

Các dân tộc thiểu số ở Việt nam đang được hưởng tình trạng pháp lý và chính trị tốt hơn các nhóm dân tộc khác ở nhiều quốc gia khác trong khu vực hoặc trên thế giới. Nhà nước

Việt Nam có chính sách không phân biệt đối xử với các dân tộc bản địa như được thấy trong Hội đồng Dân tộc thiểu số của Quốc hội. Hiến pháp mà người dân tộc thiểu số có thể sử dụng ngôn ngữ của riêng họ để bảo tồn sự khác biệt văn hóa. Trong Chính phủ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc (CEMA – một cơ quan cấp Bộ) chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động có liên quan đến dân tộc thiểu số. Nói chung, người dân tộc thiểu số đang nhận được nhiều lợi ích nhờ những chính sách của chính phủ. Họ nhận được sự đối xử ưu đãi trong quá trình nhập học ở đại học, cao đẳng và các hỗ trợ khác (ví dụ: dầu ăn, muối iốt đã được cung cấp cho họ với mức giá trợ cấp cao).

Chính phủ, các nhà tài trợ nước ngoài và nhiều tổ chức phi chính phủ (NGOs) tổ chức các chương trình phát triển và hỗ trợ đặc biệt với mục tiêu hướng đến là các dân tộc thiểu số. Các khoản tiền rất lớn được đầu tư với mục đích giúp đỡ khu vực vùng cao nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng nhằm “theo kịp” vùng đồng bằng. Và tuy vậy, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều bất lợi. Trong khi đó nhiều – có lẽ hầu hết – hộ gia đình dân tộc thiểu số có tiêu chuẩn vật chất ngày nay tốt hơn so với cách đây 10 hoặc 15 năm trước, họ vẫn còn không theo kịp với phần còn lại của đất nước về mặt kinh tế. Thật vậy, họ đang dần tụt xa lại phía sau. Những người nghèo khác thì còn khó khăn hơn nữa để có thể bắt kịp được; họ đang phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn của sự cô lập, tài sản hạn chế, trình độ học vấn thấp, tình trạng sức khỏe yếu – và việc xóa đói giảm nghèo hiện nay đang trở nên kém đáp ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vấn đề đói nghèo của các dân tộc thiểu số đang là một thách thức lớn và dai dẳng. Mặc dù 53 nhóm dân tộc thiểu số của Việt Nam, Chiếm chưa đầy 15% dân số, nhưng họ chiếm tới 47% số người nghèo trong năm 2010, so với 29% vào năm 1998. Sử dụng một chuẩn nghèo mới phản ánh tốt hơn điều kiện sống của người nghèo, 66,3% số dân tộc còn nghèo trong năm 2010 so với chỉ 12,9% đại đa số dân tộc Kinh (WB, 2012). Có nhiều nguyên nhân của tình trạng đói nghèo tràn lan của các nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Các dân tộc thiểu số đang đấu tranh và đối đầu với những thách thức khi phải đối phó với những căng thẳng nghiêm trọng đặt lên vai họ từ sự tăng trưởng dân số, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và xáo trộn văn hóa kết quả từ những thập kỷ của sự thay đổi áp đặt từ bên ngoài.

PHẦN 2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG CỦA DỰ ÁN

2.1 Lợi ích tiềm năng đối với người dân địa phương

Việc thực hiện các Dự án Hiệu quả năng lượng (EEP) sẽ là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở vùng sâu vùng xa và nông thôn, tạo ra nhiều cơ hội cho các hộ gia đình nông thôn có thể tiếp cận dịch vụ cung cấp điện chất lượng cao, hệ thống giao thông thuận tiện, và chuyển đổi việc làm tốt hơn. Chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ sẽ trở nên hiệu quả hơn, giảm khoảng cách giữa các vùng. Chủ dự án (PO) sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất của mình bằng cách sử dụng vốn vay ưu đãi. Họ có khả năng mở rộng sản xuất tại các địa phương, tăng cường chất lượng dịch vụ của khách hàng, giảm thất thoát điện, đồng thời tăng số lượng người dùng.

Người dân địa phương có cơ hội tiếp cận với văn hoá và kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng cuộc sống của mình và tiếp cận các dịch vụ công cộng tốt hơn. Tác động tích cực tiềm năng của EEP đối với cộng đồng dân tộc thiểu số được mô tả trong Bảng 1 như sau.

Bảng 1 Tác động tích cực của EEP

STT	Tác động tích cực	Mô tả
1	Nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân địa phương, góp phần phát triển và xóa đói giảm nghèo	Hỗ trợ tích cực cho sự phát triển/ hỗ trợ kinh tế xã hội địa phương, các hoạt động thủ công và các dịch vụ, cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của người dân địa phương.
2	Tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương	Các hoạt động tiên thi công, xây dựng, vận hành đều yêu cầu lao động lành nghề/lao động phổ thông ở địa phương.
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất.	Con đường dẫn đến nhà máy của PO qua các làng sẽ được mở rộng và nâng cấp. Việc vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp và đi lại của người dân địa phương sẽ trở nên dễ dàng hơn và thuận tiện hơn.

2.2 Tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương

Tác động tiêu cực tiềm tàng của EEPs đối với cộng đồng dân tộc thiểu số được mô tả trong bảng sau

Bảng 2 Các tác động tiêu cực của EEP

STT	Tác động tiêu cực	Mô tả
1	Việc thu hồi đất sản xuất làm ảnh hưởng đến sinh kế của người dân địa phương	Triển khai thực hiện các thành phần tiểu dự án, một phần đất sản xuất của hộ gia đình trong khu vực tiểu dự án sẽ bị mua lại, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất của người

Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

STT	Tác động tiêu cực	Mô tả
		dân địa phương. Thu nhập từ cây trồng, nông sản của người dân địa phương bị ảnh hưởng do một số cây lâu năm, cây ăn quả bị ảnh hưởng bởi các hoạt động xây dựng của các tiểu dự án.
2	Tác động tạm thời đối với hoạt động sản xuất của người dân địa phương	Làm hỏng đất/ đá, trong quá trình xây dựng, lắp đặt và vận hành, mảnh vụn, vật liệu xây dựng bị đổ vào khu vực canh tác sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các hộ gia đình có liên quan.
3	Ô nhiễm môi trường	Các hoạt động của tiểu dự án như vận chuyển vật liệu xây dựng, hoạt động thi công, vv sẽ gây ô nhiễm trong khu vực tiểu dự án và các khu vực lân cận do tiếng ồn, bụi, khói, ô nhiễm nước và đất, chất thải nguy hại, vv
4	Tác động đến văn hóa bản địa và an ninh xã hội	Một số lượng lớn công nhân sẽ đến và làm việc tại địa phương trong một khoảng thời gian. Điều này cũng sẽ tạo nên mối đe dọa đối với các vấn đề liên quan đến an ninh xã hội và xung đột văn hóa (ví dụ như mại dâm, ma túy, trộm cắp, vv)
5	Rủi ro tai nạn lao động	Do số lượng lớn lao động và một bộ phận trong số đó được tuyển dụng nhưng chưa qua đào tạo và có kinh nghiệm về an toàn lao động nên nguy cơ tai nạn lao động cao.
6	Nguy cơ HIV/AIDS, buôn bán phụ nữ và các tệ nạn xã hội khác	Trong việc xây dựng các tiểu dự án, việc giao tiếp giữa công nhân và người dân địa phương là không thể tránh khỏi, do đó, nguy cơ lây nhiễm HIV, buôn bán phụ nữ, và các tệ nạn xã hội khác là tất yếu.

PHẦN 3. KHUNG PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC THIỂU SỐ

3.1 Hiện trạng pháp lý về dân tộc thiểu số

Mọi dân tộc trên đất nước Việt Nam đều được hưởng đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ quyền bình đẳng theo luật pháp và hiến pháp của nhà nước. Theo Điều 60 của Hiến pháp (2013) quy định Nhà nước sẽ chịu trách nhiệm và đảm bảo việc thúc đẩy các giá trị văn hóa của tất cả các dân tộc Việt Nam. Hiến pháp đảm bảo mọi dân tộc đều có quyền bình đẳng. Các dân tộc khác ngoài dân tộc Kinh không được coi là dân tộc thiểu số trong Hiến pháp, nhưng "dân tộc thiểu số" được ghi nhận trong các chính sách phát triển đối với khu vực miền núi. Điều 61 của Hiến pháp quy định dân tộc sống ở khu vực miền núi là "dân tộc thiểu số", và họ sẽ được ưu tiên trong giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Một số dân tộc có dân số ít và có những hạn chế trong phát triển được công nhận là "dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn" trong chính sách phát triển.

3.2 Chính sách và quy phạm pháp luật của Việt Nam về dân tộc thiểu số

Để giải quyết vấn đề đất đai và các vấn đề khác liên quan nhằm mục đích xoá đói giảm nghèo cho người nghèo ở Việt Nam nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, chính phủ Việt Nam đã thông qua nhiều chính sách, tuy nhiên trong khuôn khổ của EMPF này, một số chính sách quan trọng ảnh hưởng lớn tới mục tiêu này được trình bày như sau:

- Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao quỹ đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên Việt Nam;
- Chương trình 134 hoặc Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ về các chính sách cung cấp đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho người dân tộc thiểu số nghèo có đời sống khó khăn ;
- Chương trình 135 theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn/vùng biên giới, những hộ dân cư nằm trong vùng an toàn khu, các làng đặc biệt khó khăn;
- Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự số 21 của Việt Nam) và Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg ngày 12/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc cải tiến chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, giai đoạn 2011-2020.

Tuy nhiên, đến nay chưa có một khung pháp lý rõ ràng nào cho việc tham vấn các dân tộc thiểu số có liên quan đến các dự án phát triển.

Sự tham gia/ Nền dân chủ cấp cơ sở

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị và thực hiện quy chế dân chủ cấp cơ sở, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/07/2003 thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/05/1998, và ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các cấp. Các Nghị định và Pháp lệnh làm cơ sở để khuyến khích sự tham gia chính quyền xã ở Việt Nam. Hiện nay, tham gia cộng đồng trong việc chuẩn bị kế hoạch phát triển ở các cấp địa phương đã được thể chế hóa ở một số tỉnh, đặc biệt là những tỉnh có số lượng dân tộc thiểu số đáng kể. Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và xã hội của các dân tộc vùng cao cũng như các nhu cầu đặc biệt của các dân tộc thiệt thòi về kinh tế cũng vì thế mà được công

nhận.

Thực hiện khung pháp lý

Cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm đối với dân tộc vùng cao là Ủy ban Dân tộc (CEMA). Ủy ban Dân tộc là một cơ quan ngang Bộ thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý dân tộc thiểu số toàn quốc và các dịch vụ công trong phạm vi quyền hạn của mình. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban được quy định tại Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/05/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc. Ngoài các cơ quan quốc gia tại Hà Nội, Ủy ban Dân tộc có các phòng ban tại mỗi tỉnh. Năm 1995, Ủy ban Dân tộc đã mở rộng khuôn khổ trợ giúp bên ngoài với sự phát triển của các dân tộc thiểu số. Khuôn khổ này đã dẫn đến một chiến lược đối với sự phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số cùng với các mục tiêu của Chính phủ trong việc ổn định, tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo. Các điểm chính trong khuôn khổ này là:

- Đấu tranh chống đói nghèo;
- Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự phát triển riêng của mình;
- Củng cố các tổ chức liên quan đến dân tộc thiểu số;
- Phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên và con người theo hướng bền vững; và
- Đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau và nâng cao trách nhiệm của các bên tham gia.

3.3 Các chính sách của Ngân hàng Thế giới đối với người dân tộc thiểu số

Mục tiêu của chính sách Ngân hàng Thế giới đối với dân tộc thiểu số, OP 4.10 là đảm bảo quá trình phát triển thúc đẩy hoàn toàn sự tôn trọng phẩm giá, nhân quyền, và tính độc đáo trong văn hóa. Đặc biệt hơn, mục tiêu trọng tâm của chính sách là đảm bảo rằng người dân bản địa không bị ảnh hưởng xấu trong quá trình phát triển, và họ nhận được lợi ích phù hợp với họ về mặt văn hóa. Chiến lược để đáp ứng các mục tiêu của chính sách Ngân hàng Thế giới trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc thiểu số phải được dựa trên sự tự do tham gia của họ, điều này đòi hỏi phải xác định ưu đãi của địa phương thông qua tư vấn trực tiếp.

Người dân bản địa thường nằm trong số các nhóm người nghèo nhất trong dân số. Họ tham gia vào các hoạt động kinh tế từ nông nghiệp chuyển sang lao động tiền lương hoặc hoạt động theo hướng thị trường có quy mô nhỏ lẻ. Định nghĩa về dân tộc bản địa của Ngân hàng Thế giới rất giống với "định nghĩa về dân tộc thiểu số" của Chính phủ Việt Nam.

Mọi dự án được đề xuất cho việc tài trợ của Ngân hàng Thế giới có ảnh hưởng đáng kể đối với dân tộc thiểu số bắt buộc phải thực hiện theo các thủ tục sau đây:

- **Sàng lọc** để xác định xem người dân tộc thiểu số có trong hoặc gắn bó với khu vực dự án hay không;
- Nếu đó là dân tộc thiểu số thì việc **đánh giá xã hội** sẽ được chuẩn bị để xác định tác động tích cực và tiêu cực tiềm ẩn của dự án, đồng thời xem xét nếu sửa đổi của thiết kế dự án có thể giảm thiểu tác động bất lợi và tăng cường lợi ích tích cực;
- **Quá trình tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định** dành cho các cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm xác định quan điểm của họ và để xác định liệu có hỗ trợ cộng đồng lớn cho dự án hay không;
- Nếu việc tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định kết luận rằng cộng đồng dân tộc thiểu số ủng hộ rộng rãi dự án thì **Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)** sẽ được chuẩn bị với sự tham vấn cộng đồng, phác thảo những lợi ích mà họ sẽ nhận được từ dự án này và làm thế nào để những tác động bất lợi được giảm thiểu hoặc giảm nhẹ; và

- **Công khai** kế hoạch.

Để đảm bảo rằng dân tộc thiểu số được đưa vào bằng những cách thức phù hợp với quá trình phát triển, chính sách này đòi hỏi sự chuẩn bị Kế hoạch dân tộc thiểu số (IPP). Mặc dù chính sách hướng tới dân tộc thiểu số nhưng tất cả người dân tộc thiểu số (trừ người Hoa/Trung Quốc) tại Việt Nam được coi là người bản địa; do đó quá trình IPP được gọi là quá trình EMDP tại Việt Nam.

PHẦN 4. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hoạt động tham vấn sẽ được tiến hành liên tục trong suốt các giai đoạn khác nhau của thực hiện dự án (ví dụ như lập kế hoạch, thực hiện, giám sát). Trong quá trình này, thông tin và tham vấn công khai sẽ được tiến hành để thu thập thông tin giúp đánh giá các tác động tái định cư của dự án và cung cấp các đề xuất giải pháp kỹ thuật có thể thay thế để giảm và/ hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực tiềm năng về tái định cư đối với dân cư địa phương đồng thời chủ động giải quyết những vấn đề có thể xuất hiện trong quá trình thực hiện. Chính quyền địa phương, các cộng đồng bị ảnh hưởng và các dân tộc thiểu số sẽ được thông báo về các đề xuất dự án, mục tiêu và các hoạt động đề xuất trong giai đoạn đầu chuẩn bị dự án. Các điểm thảo luận chính sẽ tập trung vào nhu cầu phát triển, những ưu tiên của địa phương và nhận thức của họ đối với mục tiêu dự án. Dân tộc thiểu số cũng sẽ được tư vấn về các tác động tiềm năng của dự án và các biện pháp có thể để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng, và nâng cao lợi ích cho người dân địa phương. (Xem Bảng 3 để biết thêm thông tin chi tiết).

Tư vấn có ý nghĩa sẽ được tiến hành thông qua tham vấn cộng đồng để đạt được các mục tiêu sau: (i) Sự tham gia của các bên liên quan và các dân tộc thiểu số trong kế hoạch tái định cư và cho phép họ tham gia vào việc đánh giá tác động cũng như rủi ro; (ii) sự tham gia trong việc đưa ra quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ; (iii) Tính minh bạch trong thông tin về lợi ích và quyền lợi và (iv) hiệu vai trò của các bên liên quan và dân tộc thiểu số trong ứng dụng của OP 4.10. Các phương pháp tham vấn sẽ được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng, bao gồm (nhưng không giới hạn) đánh giá nhanh có sự tham gia, tham vấn các bên liên quan thông qua việc tham quan công trường và các hộ gia đình, các cuộc họp công cộng, thảo luận nhóm tập trung và các cuộc điều tra hộ gia đình kinh tế xã hội.

Quá trình tham vấn khẳng định rằng các cộng đồng dân tộc thiểu số ảnh hưởng (i) ủng hộ rộng rãi mục tiêu dự án; (ii) nhận thức được lợi ích của dự án, và tin rằng họ phù hợp về mặt văn hóa; (iii) có đủ cơ hội để xác định ưu đãi và hạn chế của mình liên quan đến việc đền bù và tái định cư cũng như các vấn đề về môi trường. Đối với EE cho dự án doanh nghiệp công nghiệp, quá trình tham vấn hai bước sẽ được thiết kế để đảm bảo việc tuân thủ các chính sách dân tộc thiểu số (OP4.10) của Ngân hàng Thế giới:

- Trong quá trình chuẩn bị dự án, cần tham vấn với các nhóm DTTS thông qua việc tư vấn miễn phí, ưu tiên và có sự am hiểu nhất định để có được ủng hộ rộng rãi của họ. Nhân viên có trách nhiệm của cơ quan thực hiện (IAs) và chính quyền xã xác định khả năng bị tác động của cộng đồng DTTS và tiến hành tham vấn. Phụ nữ trong các cộng đồng DTTS sẽ được khuyến khích tham gia tư vấn. Chủ đề của cuộc thảo luận nhóm bao gồm các thông tin dự án; tác động tiềm năng và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất; mối quan tâm và câu hỏi của người DTTS; và sự ủng hộ rộng rãi của họ đối với của dự án.
- Trong quá trình thực hiện dự án, tham vấn với các nhóm DTTS để có được thông tin về các nhu cầu cụ thể, những thách thức và bất kỳ lĩnh vực tiềm năng yêu cầu hỗ trợ bổ sung và/ hoặc các loại hỗ trợ khác. IAs sẽ đảm bảo rằng tất cả các nhóm DTTS nằm trong quá trình tham vấn và các cuộc tham vấn sẽ được tiến hành một cách tương tác, tăng cường thảo luận mở.

Ở cấp độ tiêu dự án, EMDP tương ứng sẽ xác định hành động cụ thể để xác định mỗi DTTS sẽ được thông báo đầy đủ và tham khảo ý kiến của các đơn vị quản lý dự án và các đơn vị có liên

Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

quan của UBND huyện và/ hoặc UBND quận, UBND xã như thế nào. Sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn sẽ được ưu tiên. Cơ quan thực hiện (IAs) sẽ chịu trách nhiệm cho việc thiết lập và duy trì các công cụ thích hợp/ công cụ để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động liên quan đến tư vấn, tham gia và công bố sẽ được theo dõi một cách đúng đắn và được ghi chép lại.

Theo yêu cầu của OP 4.10, phiên bản tiếng Việt của EMPF này và tất cả EMDP sẽ được công khai tại các BQLDA, công trường và VDIC dự án ở Việt Nam trước và sau khi được Chính phủ phê duyệt. Phiên bản tiếng Anh của bài EMPF và EMDP sẽ được công bố tại VDIC tại Việt Nam và tại Infoshop ở Washington, DC cả trước và sau khi được sự phê chuẩn của cơ quan có liên quan. Tất cả các phương tiện bảo vệ cũng sẽ được thực hiện tại các công trường có liên quan. Trong phạm vi có thể, IAs sẽ làm phương tiện bảo vệ công khai có sẵn thông qua báo chí, tờ rơi, phát thanh địa phương để đảm bảo truy cập rộng rãi thông tin rộng rãi.

Bảng 3 Kế hoạch tham vấn cho EMDP

STT	Công việc	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & Mẫu	Tuần				
				1	2	3	4	5
1	Thông báo cho lãnh đạo xã dân tộc thiểu số và chính quyền địa phương về tiểu dự án	PO, Ban QLDA hoặc cố vấn	Tài liệu dự án (Ban QLDA cung cấp mẫu)	x				
2	Tiến hành sàng lọc để xác định các loại và số lượng các hộ gia đình dân tộc thiểu số sống ở khu vực của vùng ảnh hưởng dự án.	Các cố vấn	Cung cấp Sàng lọc / Mẫu kiểm kê DTTS	x				
3	Yêu cầu lãnh đạo, chính quyền địa phương xã DTTS giúp đỡ hoàn thành sàng lọc / kiểm kê DTTS	PO, Ban QLDA thuộc Bộ Công Thương	Công văn	x				
4	Tiến hành đánh giá tác động xã hội các hộ gia đình dân tộc thiểu số trong khu vực ảnh hưởng / khu vực tiểu dự án. Tiến hành tập trung thảo luận nhóm với ba nhóm riêng biệt của dân tộc thiểu số như một phần của SA: lãnh đạo; nam giới; và nữ giới	Cố vấn (theo hướng dẫn từ PMB)	Mẫu SIA		x			
5	Phân tích và chỉ ra kết quả nghiên cứu của SA	Như trên	Mẫu SIA		x			
6	Gặp lãnh đạo và các thành viên DTTS và thảo luận về kết quả nghiên cứu của SA	Cố vấn			x			
7	Chuẩn bị kế hoạch hành động với chính quyền địa phương, đại diện người dân tộc thiểu số và lãnh đạo của họ	Cố vấn	Mẫu kế hoạch		x			
8	Gặp gỡ với kỹ sư thiết kế để thảo luận về các thông tin phản hồi từ xã và sử dụng thông tin để thiết kế và xây dựng biện pháp giảm thiểu	Cố vấn				x		
9	Gửi tất cả tồn kho, SA, Kế hoạch hành động cho PMB	Cố vấn				x		
10	Tóm tắt thông tin và gửi cho IDA/WB. Quan trọng - các báo cáo cần được nộp cùng với Chương trình tiểu dự án được đề xuất	PO, Ban QLDA						x

Dự án Hiệu quả Năng lượng cho các Doanh nghiệp Công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF)

STT	Công việc	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & Mẫu	Tuần				
				1	2	3	4	5
11	Giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động dân tộc thiểu số	PO, Ban QLDA, nhà chức trách địa phương, đại diện DTTS, Giám sát độc lập cho việc thực hiện RP.	Báo cáo giám sát					

PHẦN 5. PHẢN NÀN VÀ KHIẾU NẠI

Chủ dự án phải thiết lập cơ chế khiếu nại và khiếu kiện để tiếp nhận và giải quyết tái định cư, xung đột văn hóa, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, sinh kế và các vấn đề đất nông nghiệp của các cộng đồng/cá nhân/ DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án. Cơ chế phải dựa trên nguyên tắc (i) Cân đối; (ii) Có khả năng tiếp cận; (iii) Minh bạch; và (iv) sự phù hợp văn hóa như sau.

- (i) Cân đối có nghĩa là mở rộng quy mô cơ chế phù hợp với nhu cầu dự án. Trong một dự án có tác động bất lợi tiềm năng thấp, cơ chế trực tiếp và đơn giản để giải quyết vấn đề được ưu tiên cho việc giải quyết và giải quyết khiếu nại ví dụ như các cuộc họp công khai, đường dây nóng, phương tiện truyền thông hiện có, tài liệu quảng cáo, và cán bộ liên lạc cộng đồng;
- (ii) Khả năng tiếp cận nghĩa là thiết lập một cơ chế rõ ràng, miễn phí và có thể dễ dàng truy cập đối với mọi bộ phận của các cộng đồng chịu tác động/ các hộ gia đình DTTS và các bên liên quan tiềm năng khác. Cách tốt nhất để đạt được điều này là địa phương hóa các điểm liên lạc. Điều này hợp lệ cho cả chủ sở hữu và nhà thầu xây dựng. Liên quan đến vấn đề đó, cần triển khai tuyển dụng nhân viên có kỹ năng phù hợp, được đào tạo và làm quen với công việc liên lạc cộng đồng trong lĩnh vực này càng nhanh càng tốt. Khả năng tiếp cận cho phép chủ sở hữu có thể xây dựng các mối quan hệ mang tính xây dựng nhiều hơn với các cộng đồng địa phương. Điều này cũng sẽ giúp can thiệp một cách nhanh chóng vào bất kỳ tranh chấp hay bất ổn nào của xã hội một cách thích hợp, vì việc duy trì sự có mặt thường xuyên của một gương mặt quen thuộc trong lĩnh vực này giúp đỡ rất nhiều trong việc lồng ghép sự tin tưởng và do đó, xây dựng các mối quan hệ trở nên gần gũi hơn;
- (iii) Tính minh bạch có nghĩa là các thành viên của cộng đồng chịu tác động có quyền biết được ai có trách nhiệm xử lý các khiếu nại và trao đổi các kết quả khắc phục được các khiếu nại. Điều này hữu ích đối với những người tin tưởng vào cơ chế khiếu nại do cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng sử dụng;
- (iv) Sự phù hợp về mặt văn hóa nghĩa là có sự nhạy cảm văn hóa trong khi thiết kế và thực hiện các cơ chế khiếu nại.

Để thực hiện các nguyên tắc này, các chủ dự án sẽ được tiếp cận với các bên liên quan và phải trả lời khiếu nại của họ trong thời gian ngắn nhất có thể. Vấn đề then chốt để ứng phó với các khiếu nại là phải đảm bảo tất cả các khiếu nại đều được ghi nhận; bộ phận có liên quan của các chủ dự án phải có trách nhiệm với các khiếu nại; và việc khắc phục được hai bên chấp nhận. Vì vậy, câu trả lời đối với các khiếu nại sẽ trở nên thỏa đáng cho cả hai bên, các hành vi sẽ được theo dõi, và người khiếu nại sẽ được thông báo kết quả của các biện pháp khắc phục. (Xem hình 1)

Trong trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên và người/ cộng đồng chịu tác động, khiếu nại và khiếu kiện sẽ được gửi đến cơ sở tư pháp nhà nước có trách nhiệm như sau.

Cấp độ thứ nhất - Tại Ủy ban Nhân dân xã (CPC)

Hộ gia đình bị thiệt hại có thể khiếu nại lên bộ phận tiếp nhận của Ủy ban Nhân dân cấp xã và được hướng dẫn các thủ tục cần thiết. UBND xã sẽ làm việc riêng với hộ gia đình có khiếu nại và sẽ có 5 ngày sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết (Lưu ý: ở vùng sâu vùng xa, miền núi, khiếu nại có thể được giải quyết trong vòng 15 ngày). UBND xã có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND xã, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên UBND huyện.

Cấp độ thứ hai - Tại Ủy ban Nhân dân huyện (DPC)

Sau khi nhận được đơn khiếu nại từ hộ gia đình, UBND huyện sẽ có 15 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng sâu, vùng xa) sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết vụ án. UBND huyện có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND huyện, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên UBND tỉnh.

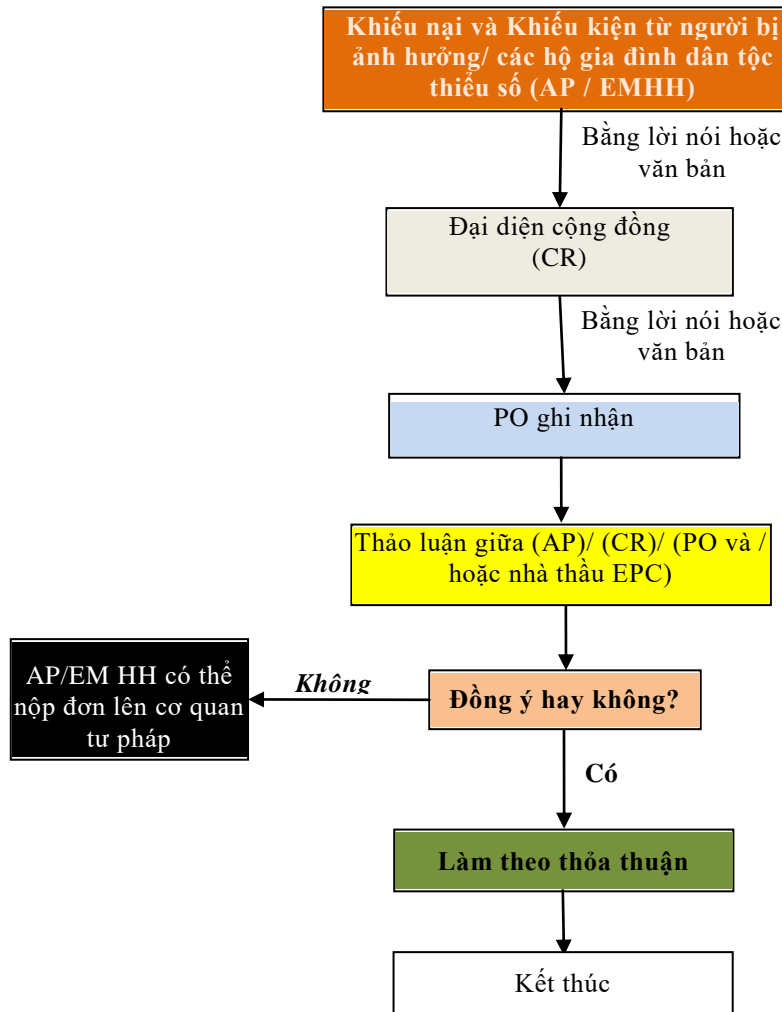
Cấp độ thứ ba - Tại Ủy ban Nhân dân tỉnh (PPC)

Sau khi nhận được đơn khiếu nại từ hộ gia đình, UBND tỉnh sẽ có 30 ngày (hoặc 45 ngày đối với vùng sâu, vùng xa) sau khi nhận được khiếu nại để giải quyết vụ án. UBND tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đang xử lý. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 45 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thấy hài lòng với quyết định đó thì có thể khiếu nại lên Tòa án trong vòng 45 ngày.

Cấp độ cuối cùng - Tòa án ra quyết định

Nếu người khiếu nại nộp hồ sơ trường hợp của mình vào các tòa án và các quy tắc của tòa án là có lợi cho người khiếu nại, khi đó chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức đền bù theo quyết định của tòa án. Trong trường hợp tòa án đứng về phía UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ được bồi thường theo phương án bồi thường đã được phê duyệt và tuân thủ mọi quy định về GPMB (Giải phóng mặt bằng).

Để đảm bảo rằng các cơ chế nêu trên phù hợp với thực tế và có thể chấp nhận được đối với người DTTS chịu tác động, cần triển khai công tác tham vấn về cơ chế giữa chính quyền địa phương và cộng đồng chịu tác động, đặc biệt là tham vấn với các nhóm cần được bảo vệ.



Hình 1. Cơ chế khiếu nại, khiếu kiện cơ bản của Dự án

PHẦN 6. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Để đảm bảo rằng EMDP được thực hiện một cách minh bạch và tuân thủ các EMPF và Chính sách người bản địa của Ngân hàng Thế giới. (OP4.10), cần phải thiết lập một cơ chế giám sát và đánh giá cho tất cả các thành phần dự án trong suốt quá trình thực hiện dự án. Giám sát và đánh giá là một quá trình liên tục. Các IAs sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ và có một cơ quan bên ngoài được IAs tuyển dụng sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá độc lập. Trong phạm vi có thể, IAs sẽ xem xét để tích hợp giám sát nội bộ và bên ngoài theo yêu cầu của OP 4.10 thành nhiệm vụ tương tự theo OP 4.12. Những phát hiện của cả hai giám sát RP và giám sát EMDP nên được bao gồm trong một báo cáo đề nộp cho Ban QLDA và Ngân hàng Thế giới xem xét.

Cuộc giám sát nội bộ sẽ được IAs tiến hành hàng tháng với những mục tiêu như sau:

- Đảm bảo tất cả các tác động tiêu cực của các tiểu dự án trên DTTS phải được tối giản, hạn chế tối đa hoặc được bồi thường phù hợp với EMDP theo EMPF này;
- Đảm bảo các biện pháp tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu tác động bất lợi được thực hiện một cách phù hợp với văn hóa của đồng bào dân tộc;
- Xác định liệu những tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho cộng đồng dân tộc có được tiến hành một cách phù hợp với văn hóa của các đồng bào dân tộc hay không. Xác định những thủ tục khiếu nại có theo đúng EMPF không và đề xuất những biện pháp nếu phát sinh những vấn đề;
- Tuân thủ các quy định về tái định cư và giải phóng mặt bằng và triển khai thi công để đảm bảo rằng EMs bị ảnh hưởng được bồi thường, hỗ trợ về tái định cư một cách thỏa đáng trước khi khởi công xây dựng.

Việc giám sát bên ngoài sẽ được tiến hành bởi một cơ quan bên ngoài có chuyên môn trong lĩnh vực khoa học xã hội. Những chỉ số trọng yếu về việc giám sát và đánh giá bên ngoài được trình bày như sau:

- Tư vấn và nâng cao nhận thức về lợi ích của dự án, chính sách tái định cư và quyền lợi cho cộng đồng các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng (có liên quan);
- Mức độ hài lòng của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đối với các quy định và việc thực hiện EMDP;
- Cơ chế bồi thường giải quyết khiếu nại (hồ sơ, quy trình, giải pháp);
- Hiệu quả và tính bền vững của các quyền lợi và biện pháp phục hồi thu nhập cho EMs bị ảnh hưởng;
- Tác động và chiến lược về giới;
- Khả năng của EMs bị ảnh hưởng để phục hồi/ tái lập lại sinh kế và mức sống. Chú ý đặc biệt đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng và dễ bị tổn thương;
- Những tác động tái định cư gây ra trong công tác xây dựng;
- Sự tham gia của EMs bị ảnh hưởng trong việc quy hoạch, điều chỉnh và thực hiện EMDP.
- Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo; và
- Hướng quỹ của Chính phủ về việc bồi thường và trợ cấp cho EMs bị ảnh hưởng nặng nề nếu có.

PHẦN 7. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)

Trong giai đoạn chuẩn bị các tiêu dự án trọng tâm chính sẽ thực hiện kiểm tra, đánh giá xã hội và đánh giá tùy chọn, thiết lập các khuôn khổ thể chế, thông báo cho tất cả các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, tiến hành, tham vấn trước, và thông báo miễn phí cho các cộng đồng, và đánh giá xem liệu có sự ủng hộ rộng rãi trong cộng đồng đối với các tiêu dự án hay không.

7.1 Những nguyên tắc dự án đối với Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số

Những nguyên tắc phát triển dân tộc thiểu số cơ bản của dự án bao gồm:

- Các dân tộc thiểu số được khuyến khích tham gia vào các công tác dự án và họ sẽ được hưởng những lợi ích từ dự án một cách phù hợp với văn hóa;
- Cần tránh và giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến cộng đồng dân tộc thiểu số, như các nhóm riêng biệt và dễ bị tổn thương, bằng cách khai thác tất cả các lựa chọn khả thi;
- Việc chuẩn bị của EMDP (như là một phần để chuẩn bị cho dự án) và thực hiện nó cùng với sự tham gia và tham vấn của các đồng bào dân tộc thiểu số; và

Ngân sách và tiến trình thực hiện của EMDP (bao gồm khảo sát và cơ chế tham gia) và việc thực hiện phải được thống nhất trong mỗi dự án.

7.2 Những vấn đề về việc thu hồi đất và tái định cư của các dân tộc thiểu số

Trong trường hợp thu hồi đất mà EM đã sử dụng, thì phải tuân thủ cả Khung chính sách tái định cư và EMPF này. Chính sách này đòi hỏi một kế hoạch tái định cư phù hợp với quyền ưu tiên về văn hóa của các dân tộc thiểu số, bằng cách sử dụng một chiến lược tái định cư trên đất liền. Dưới đây sẽ cho thấy sự liên quan đến việc chuẩn bị thu hồi đất và tái định cư của đồng bào dân tộc thiểu số:

- REDP sẽ không đồng ý với việc di dời của đồng bào các dân tộc thiểu số nếu họ không có sự ủng hộ rộng rãi;
- Các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cùng với ban tham vấn tham gia vào việc chuẩn bị di dời;
- An ninh lương thực trong khu định cư mới được đảm bảo ít nhất phải được như khu định cư trước;
- Các khu tái định cư sẽ được tiếp cận với các cơ sở và dịch vụ ít nhất phải giống hoặc tốt hơn vùng đất đã mất;
- Thông tin về việc tái định cư của các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được cung cấp bằng việc sử dụng những chỉ dẫn thông tin được khuyến cáo trong phần dưới đây;
- Việc tái định cư của những cộng đồng bị ảnh hưởng sẽ được hoàn tất trước khi bắt đầu công tác xây dựng;
- Nếu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án, đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng bồi thường cho tất cả vùng đất bị mất và tài sản, thu nhập và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng với chi phí thay thế và cung cấp các biện pháp khôi phục đầy đủ để giúp họ cải thiện hoặc ít nhất duy trì mức sống, thu nhập, năng lực sản xuất trước dự án của họ;
- Việc thiếu các quyền hợp pháp đối với tài sản bị mất hoặc bị ảnh hưởng tiêu cực sẽ

không làm họ bị mất quyền được hưởng bồi thường thiệt hại và các biện pháp khôi phục;

- Trong trường hợp mà nơi tái định cư và di dời của các hộ dân tộc thiểu số được yêu cầu, những nỗ lực cần phải thực hiện về cơ sở hạ tầng hiện có và những đơn vị văn hóa xã hội của người dân tái định cư, cộng đồng sở tại và cộng đồng chuyển đến sẽ được duy trì và phát triển;
- Tiến hành bồi thường cho người dân tộc thiểu số, các hộ gia đình phụ nữ làm chủ, gia đình có người tàn tật hoặc người cao tuổi với sự tôn trọng các giá trị văn hóa và nhu cầu cụ thể của họ.

7.3 Lập Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số

a. Sàng lọc

Sàng lọc là bước đầu tiên được thực hiện để xác định sự hiện diện của các cộng đồng dân tộc thiểu số và những cơ hội có thể thấy trước cũng như các rủi ro liên quan đến việc thực hiện dự án. Sàng lọc cũng giúp xác định các khu vực nhạy cảm với môi trường và quan trọng với xã hội bao gồm rừng đặc dụng thì cần phải loại bỏ ngay khỏi bất kỳ hoạt động dự án nào được đề xuất.

Tổ công tác gồm thành viên của WB, PMU của PO, và cơ quan quản lý địa phương sẽ tham vấn tất cả các xã nằm trong vùng ảnh hưởng của các tiểu dự án trong đợt tham vấn cộng đồng đầu tiên. Trước khi tham vấn, PMU sẽ gửi thư đến các xã để thông báo các nội dung làm việc cho các cán bộ xã về đợt tham vấn của PMBs hoặc các chuyên gia tư vấn dự án. Trong công văn yêu cầu các xã mời các đại diện của hội nông dân, phụ nữ, trưởng thôn và cán bộ chủ chốt của xã tới cuộc họp để thảo luận về các tiểu dự án. Nếu có người dân tộc thiểu số trong xã thì các người lãnh đạo của dân tộc đó cũng sẽ được mời đến cuộc họp. Trong chuyến thăm này, các lãnh đạo xã và những người tham gia khác sẽ trình bày quan điểm của mình về các tiểu dự án.

Tại chuyến làm việc này, nhóm sẽ thực hiện sàng lọc đối với cộng đồng dân tộc thiểu số với sự giúp đỡ của những người đứng đầu của nhóm dân tộc thiểu số và chính quyền địa phương. Công tác sàng lọc sẽ kiểm tra các nội dung dưới đây:

- Tên của các dân tộc trong xã
- Tổng số dân tộc trong xã
- Tỷ lệ dân tộc thiểu số trong dân số của xã
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các hộ dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng của Tiểu dự án được đề xuất.

Bảng 4: Hướng dẫn sàng lọc trong EMDP

Khi nào tiến hành sàng lọc: Tại thời điểm tham vấn đầu tiên với một xã.

Thu thập thông tin gì: Thu thập dữ liệu nhân khẩu học về các dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng.

Thu thập thông tin như thế nào: Có thể thu thập từ những người đứng đầu của các dân tộc, già làng hoặc chính quyền địa phương.

Ai sẽ là người thực hiện sàng lọc: Nhân viên của PMUs hoặc chuyên gia tư vấn:
Việc sàng lọc của mỗi xã sẽ hoàn thiện trong một ngày.

b. Đánh giá xã hội

Nếu những kết quả chỉ ra có các cộng đồng dân tộc thiểu số trong vùng bị ảnh hưởng của tiểu dự án được đề xuất, IAs cần phải thực hiện Đánh giá xã hội cho các khu vực dự án đó để đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực và tích cực tiềm năng của dự án đến các cộng đồng dân tộc thiểu số, và khảo sát những lựa chọn thay thế cho dự án nơi mà ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra nghiêm trọng. Chiều rộng, chiều sâu và kiểu phân tích trong đánh giá xã hội tỉ lệ thuận với bản chất và quy mô của những tác động tiềm năng của dự án đối với cộng đồng các dân tộc thiểu số dù những tác động đó là tích cực hay tiêu cực. Các đánh giá xã hội được thực hiện bởi các nhà khoa học xã hội (các chuyên gia tư vấn) người mà có trình độ, kinh nghiệm, và TOR được xóa bởi Ngân hàng.

SA sẽ bao gồm: cơ sở dữ liệu, phân tích thể chế, nó sẽ xác định khuôn khổ cho việc tư vấn trong suốt chu kỳ dự án. Thông tin sẽ được thu thập từ những cuộc họp nhóm riêng: lãnh đạo dân tộc thiểu số, đàn ông dân tộc thiểu số; và phụ nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người sống trong khu vực bị ảnh hưởng của công tác đề xuất theo tiểu dự án. Các cuộc thảo luận sẽ tập trung vào những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tiểu dự án, sự hỗ trợ cộng đồng; và những khuyến nghị về việc thiết kế và thực hiện tiểu dự án. Bên vay sẽ chịu trách nhiệm phân tích các SA, và dẫn đầu phát triển kế hoạch thực hiện cùng với cộng đồng các dân tộc thiểu số, kỹ sư dự án và nhân viên khác. Những quyết định khác nhau về những bước tiếp theo sẽ được miêu tả dưới đây:

- Nếu SA chỉ ra những tác động tiêu cực đáng kể và/hoặc sự đối kháng mạnh mẽ của cộng đồng dân tộc thiểu số, các cơ quan thực hiện được yêu cầu khai thác những lựa chọn thay thế. Điều đáng cần lưu ý là những tác động không chỉ là những tổn thất về đất (điều được quy định trong RP tương ứng), mà còn có những tác động vô hình khác ở cấp cộng đồng;
- Nếu cộng đồng dân tộc thiểu số ủng hộ thực hiện tiểu dự án, một EMDP sẽ được phát triển để giải quyết những tác động tiêu cực và tích cực tiềm năng của tiểu dự án.

Bảng 5: Hướng dẫn đánh giá xã hội cho EMDP

Khi nào thì tiến hành SA: Nếu kết quả sàng lọc cho thấy có những hộ gia đình dân tộc thiểu số trong khu vực ảnh hưởng của các tiểu dự án, thì đánh giá tác động xã hội sẽ được tiến hành.

Cần thu thập thông tin gì: Thu thập các thông tin sau: thông tin về nhân khẩu học, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội; những tác động tích cực và tiêu cực đối với kinh tế, xã hội của tiểu dự án.

Thu thập thông tin như thế nào: thông tin sẽ được thu thập tại các cuộc họp nhóm riêng với các nhóm dân tộc thiểu số như sau: 1) người đứng đầu của EM; 2) đàn ông dân tộc thiểu số; và 3) phụ nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người sống trong khu vực ảnh hưởng. Người tiến hành Đánh giá xã hội là: Nhân viên PMB hoặc các chuyên gia tư vấn.

Thời gian quy định: Việc thu thập thông tin Đánh giá Xã hội đối với mỗi xã được thực hiện trong khoảng hai hoặc ba ngày. Sẽ mất hai hoặc ba ngày nữa để phân tích dữ liệu và soạn thảo báo cáo cuối cùng.

c. Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

Khi Đánh giá Xã hội xác định rằng các tiểu dự án đề xuất có ảnh hưởng tới các dân tộc thiểu số, thì một EMDP được yêu cầu thực hiện cho các tiểu dự án để đảm bảo a) Đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi các tiểu dự án sẽ nhận được những lợi ích về kinh tế văn hóa phù hợp, b) Khi xác định thấy những tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với các dân tộc thiểu số, thì phải

tránh, giảm thiểu, hạn chế tối đa và phải bồi thường cho những tác động tiêu cực đó cho người dân tộc thiểu số. Khi người dân tộc là duy nhất hoặc đại đa số trong các đối tượng thụ hưởng dự án trực tiếp, các yếu tố của một EMDP nên được bao gồm trong thiết kế tổng thể của dự án và trong RP của các tiểu dự án, và một EMDP riêng biệt của mỗi tiểu dự án là không cần thiết.

Các IAs có trách nhiệm chuẩn bị EMDP với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia tư vấn xã hội đủ điều kiện. EMDP sẽ được chuẩn bị một cách linh hoạt và thực tế, và mức độ chi tiết khác nhau tùy thuộc vào các dự án cụ thể và bản chất của hiệu ứng để được giải quyết. EMDP bao gồm các yếu tố sau:

- (i) Một bản tóm tắt các thông tin về khuôn khổ pháp lý và thể chế áp dụng đối với DTTS về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa và chính trị của cộng đồng các dân tộc bị ảnh hưởng, đất đai và lãnh thổ mà họ đã sở hữu từ trước hoặc sử dụng hoặc chiếm, và các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc;
- (ii) Một bản tóm tắt của đánh giá xã hội;
- (iii) Một bản tóm tắt kết quả của việc tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đã được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án và dẫn đến sự ủng hộ rộng rãi cho dự án;
- (iv) Một chương trình khung để đảm bảo tham vấn được thông báo trước và miễn phí cho các cộng đồng dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện dự án;
- (v) Một bản kế hoạch thực hiện các biện pháp để đảm bảo các dân tộc thiểu số được hưởng những lợi ích về kinh tế và xã hội một cách phù hợp về văn hóa, bao gồm, nếu cần, những biện pháp để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án.
- (vi) Khi xác định thấy những tác dụng bất lợi cho đồng bào dân tộc, cần phải thực hiện một kế hoạch hành động thích hợp gồm các biện pháp để tránh, giảm thiểu tối đa, giảm bớt, hoặc đền bù cho những tác dụng bất lợi đó;
- (vii) Dự toán chi phí và kế hoạch tài chính cho các EMDP;
- (viii) Cần có những thủ tục thích hợp cho dự án để giải quyết những bất bình của cộng đồng các dân tộc bị ảnh hưởng phát sinh từ việc thực hiện dự án. Khi thiết kế các thủ tục bồi thường khiếu nại, sự sẵn có của các cầu viện tư pháp và cơ chế giải quyết tranh chấp về phong tục giữa các dân tộc nên được đưa vào các khoản mục;
- (ix) Các cơ chế và các tiêu chuẩn phù hợp với dự án cho việc giám sát, đánh giá và báo cáo về việc thực hiện EMDP. Các cơ chế giám sát và đánh giá cần bao gồm cả những thỏa thuận về việc tham vấn thông báo trước và miễn phí cho các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

d. Thực hiện EMDP

Trách nhiệm và các đối tượng liên quan đến các dự án VEEIE như sau:

- *PFI và WB*: Tất cả EMDP chuẩn bị theo VEEIEs phải được xem xét lại bởi PFI và WB trước khi chính thức thực hiện;
- *IE hoặc Tư vấn*: cần phải thảo luận và nhận được NOL của Ngân hàng trước khi bước vào việc chuẩn bị chính thức của văn bản đó;
- *Ias*: có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương có liên quan để triển khai thực hiện EMDP;
- *CPCs cấp tỉnh, huyện, xã*: Phối hợp với IE, Tư vấn, IA triển khai EMDP theo các nguyên tắc đưa ra trong EMPF này và các quy định của Việt Nam;
- *Các tổ chức cộng đồng như Hội phụ nữ, Hội nông dân...*: đóng vai trò tích cực trong

việc thực hiện và giám sát EMDP;

- *EMs*: tham gia giám sát thực hiện EMDP như tiến độ, sự đầy đủ, phù hợp...

Tất cả các hoạt động của EMDP trong suốt quá trình thực hiện một tiểu dự án sẽ được tiến hành một cách thích hợp về mặt văn hóa đối với người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Các IAs sẽ thiết lập công việc cho các cuộc đối thoại và các cuộc họp với chính quyền địa phương, các nhóm cộng đồng đại diện, và các nhà lãnh đạo truyền thống thường xuyên đại diện cho DTTS. Các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ, sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc thực hiện và giám sát của EMDP.

Cần phải tăng cường và cải thiện năng lực của các cơ quan thi hành ở cấp tỉnh và cấp huyện đối với việc thực hiện an toàn xã hội để đáp ứng yêu cầu của WB. Nó cũng cần phải xây dựng năng lực của các cộng đồng địa phương về việc thực hiện và giám sát của RP và EMDP. Vì vậy, IAs có trách nhiệm cung cấp các khóa đào tạo và hội thảo về việc thực hiện và giám sát của RP và EMDP cho cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng. Việc đào tạo cần được tổ chức trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động liên quan đến việc thực hiện RP và EMDP. Các khóa đào tạo cần được tổ chức ở mỗi cấp trong đó có cấp tỉnh, huyện và xã để các bên liên quan khác nhau có thể được tham gia. Các khóa học đào tạo cho người dân tộc cần phải phù hợp với văn hóa của họ.

EMDP nên có một lịch trình thực hiện phối hợp với việc thực hiện tiểu dự án. Một cách logic, việc đánh giá tác động về xã hội và các cuộc họp nhóm nên được thực hiện trước khi thiết kế tiểu dự án được chuẩn bị. Đền bù thu hồi đất phải được hoàn tất mỹ mãn ít nhất một tháng trước khi bắt đầu công việc dân sự. Giám sát nên diễn ra ở những lần đề nghị và theo quy định của EMDP trong chu kỳ dự án.

Ngân sách cho việc thực hiện EMDP sẽ được ước tính trong quá trình chuẩn bị EMDP dựa trên các hoạt động cụ thể được đề xuất cho mỗi EMDP. EMDP sẽ xác định và cung cấp ngân sách cho việc thực hiện. Kinh phí cho việc chuẩn bị và thực hiện EMDP xuất phát từ vốn đối ứng của Chính phủ (có thể được bao gồm trong ngân sách cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của dự án).

Bảng 6 Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch thực hiện

Khi nào chuẩn bị kế hoạch thực hiện: Ngay sau khi SA, nếu các dân tộc thiểu số ủng hộ các tiểu dự án.

Chuẩn bị kế hoạch thực hiện như thế nào: Kế hoạch này được xây dựng dựa lên kết quả tham vấn và tham gia của các nhóm DTTS.

Một kế hoạch thực hiện là gì: Nó sẽ bao gồm (1) khung pháp lý; (2) các hoạt động giảm thiểu tác động; (3) xác định kỹ thuật của sự phát triển; (4) sắp xếp thể chế để thực hiện; (5) tiến độ thực hiện; (6) giám sát và đánh giá; và (7) chi phí và kế hoạch tài chính.

Ai sẽ chuẩn bị các kế hoạch thực hiện: BQLDA hoặc chuyên viên tư vấn phối hợp với lãnh đạo xã, các nhà lãnh đạo dân tộc thiểu số, tham vấn với các cộng đồng DTTS và chính quyền huyện.

Ai sẽ thực hiện kế hoạch thực hiện: POs và MOIT's PMBs, Xã và những người đứng đầu của các dân tộc thiểu số.